TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2024/DS-ST
Ngày: 30-5-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Trần Văn Kiêu

2. Bà Phan Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án N dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết T - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án N dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-DS ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thu T**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố VĐ2, TTVT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Bà **Trương Thị N** (Đẹp), sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố VP2, TTVT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2024; biên bản hòa giải ngày 02/5/2024 nguyên đơn là bà **Huỳnh Thu T** trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà làm chủ hụi và bà N có tham gia, cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/10/2019, có 30 phần, bà N tham gia

01 phần, góp hụi sống đến lần thứ 2 thì bỏ hụi hốt. Sau khi lĩnh hụi thì bà N có góp được 10 lần hụi chết thì không góp nữa nên còn nợ lại 18 lần hụi chết x 2.000.000đ/lần = 36.000.000 đồng, nhưng sau đó có gửi trả nhiều lần được số tiền 12.000.000 đồng nên còn nợ lại 24.000.000 đồng (Dây hụi này đã mãn ngày 10/3/2022).

- Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2020, có 20 phần, bà N tham gia 01 phần, góp hụi sống đến lần thứ 3 thì bỏ hụi hốt. Sau khi lĩnh hụi thì bà N có góp được 01 lần hụi chết thì không góp nữa nên còn nợ lại 16 lần hụi chết x 2.000.000đ/lần = 32.000.000 đồng (Dây hụi này đã mãn ngày 15/5/2022).

Tổng cộng số tiền hụi bà N còn nợ của hai dây hụi là 56.000.000 đồng, sau đó bà N đã trả nhiều lần được 3.500.000 đồng nên còn nợ lại 52.500.000 đồng đến nay chưa trả đồng nào.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị N phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 52.500.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bà N không có chồng.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại biên bản hòa giải ngày 02/5/2024 bị đơn bà **Trương Thị N** có ý kiến:*

Bà có tham gia góp hụi và bà Huỳnh Thu T làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/10/2019, có 30 phần, bà tham gia 01 phần, góp hụi sống được 01, 02 lần thì hốt hụi. Dây hụi này đã mãn, nhưng bà không nhớ còn nợ lại bao nhiêu.

- Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2020, có 20 phần, bà tham gia 01 phần. Dây hụi này đã mãn, nhưng bà không nhớ còn nợ lại bao nhiêu.

Tổng cộng bà còn nợ bà T số tiền của hai dây hụi là 52.500.000 đồng, nhưng hẹn mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi nào đủ số tiền còn nợ.

Tôi không có chồng.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thu T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trên.

- Bị đơn bà Trương Thị N vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Trương Thị N phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thu T số tiền hụi còn thiếu là 52.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Trương Thị N lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt và nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Trương Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh Thu T khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn bà Trương Thị N phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu và bị đơn cũng đồng ý. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*, đồng thời bị đơn bà Trương Thị N có nơi cư trú tại khu phố VP2, TTVT, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày thừa nhận của bị đơn có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thu T với bị đơn bà Trương Thị N có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau và hiện bị đơn bà Trương Thị N còn nợ lại số tiền 52.500.000 đồng đến nay chưa trả. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

Do đó, hiện nay bị đơn bà Trương Thị N phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thu T số tiền hụi còn thiếu là 52.500.000 đồng, vì đây là nghĩa vụ của thành viên góp hụi đối với chủ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Xét lời đề nghị của đại diện Viên kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Bị đơn bà Trương Thị N phải chịu án phí có giá ngạch là **2.625.000** đồng (52.500.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 241 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Trương Thị N phải phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thu T số tiền hụi còn thiếu là **52.500.000đ** *(Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)*.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Huỳnh Thu T, nếu bà Trương Thị N không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà T thì hàng tháng bà N còn phải trả tiền lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn bà Trương Thị N phải chịu **2.625.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thu T **1.312.500** đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002166 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND TTVT;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh